



UY LỰC MÃNH THÚ

MONSTER ENERGY YAMAHA MOTOGP EDITION
PHIÊN BẢN MỚI ĐƯỢC TRUYỀN CẢM HỨNG
TỪ SIÊU MÔ-TÔ YZR-M1 2020 CỦA ĐỘI ĐUA YAMAHA MOTOGP



YAMAHA R15
VVA
Variable Valve Actuation

**150
EXCITER**

**All new 155
NVX**
VVA
Variable Valve Actuation





YZF-R15
VVA
Variable Valve Actuation

STOP & START
SYSTEM

ABS

BLUE
CORE

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

KÍCH THƯỚC

Dài x Rộng x Cao
Khoảng cách trục bánh xe
Độ cao gầm xe
Độ cao yên xe
Trọng lượng ướt
Dung tích bình xăng

1990 mm x 725 mm x 1135 mm
1325 mm
170 mm
815 mm
137 kg
11 lít

ĐỘNG CƠ

Loại động cơ
Dung tích xy-lanh
Bố trí xy-lanh
Đường kính x Hành trình piston
Tỷ số nén
Công suất tối đa
Mô men xoắn cực đại
Hệ thống khởi động
Hệ thống nhiên liệu
Kiểu hệ thống truyền lực
Tỷ số truyền động

4 thì, 4 van, SOHC, làm mát bằng dung dịch
155 cc
Xy-lanh đơn
58.0 x 58.7 mm
11.6 : 1
14.2 kW (19.3 PS)/10000 vòng/phút
14.7 N.m (1.5 kgf.m)/8500 vòng/phút
Điện
Phun xăng điện tử
Hộp số 6 cấp
1: 2.833 / 2: 1.875 / 3: 1.364 / 4: 1.143 /
5: 0.957 / 6: 0.840

KHUNG SƯỜN

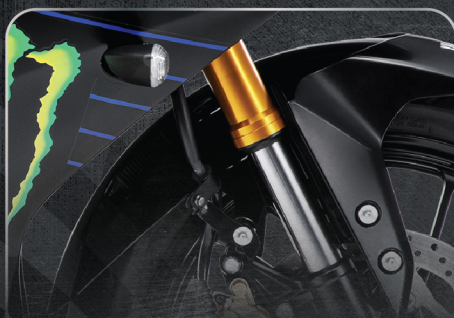
Loại khung
Giảm xóc trước
Phuộc sau
Phanh trước
Phanh sau
Kích thước lốp trước
Kích thước lốp sau

Delta-box
Phuộc Upside down
Monoshock
Đĩa đơn thủy lực
Đĩa đơn thủy lực
100/80-17 M/C 52P (Lốp không sấm)
140/70-17 M/C 66S (Lốp không sấm)

HỆ THỐNG ĐIỆN

Đèn
Điện áp/công suất bình

LED
12V, 3.0 Ah



PHUỘC UPSIDE-DOWN

Tạo điểm nhấn nổi bật và khôe khoắn cho phần đầu xe, tăng khả năng đàn hồi kết hợp cùng tay lái đúc nguyên khối giúp cảm giác lái êm ái và linh hoạt hơn.



HỆ THỐNG ĐÈN LED

Đèn pha và đèn hậu đều sử dụng công nghệ LED hiện đại cho khả năng chiếu sáng hoàn hảo trong môi trường đô thị và làm tăng độ thẩm mỹ cho đầu và đuôi xe.



MÀN HÌNH KỸ THUẬT SỐ

Cụm đồng hồ được trang bị công nghệ màn hình LCD hiển thị sắc nét và trực quan nhiều thông số vận hành cần thiết, giúp người lái dễ dàng quan sát và tăng thêm vẻ hiện đại.



BÁNH XE TO THỂ THAO

Vành xe bằng hợp kim đúc 17 inch cho độ cứng hoàn hảo và giảm thiểu trọng lượng, kết hợp cùng bộ lốp to bản (100/80 lốp trước, 140/70 lốp sau) tăng ma sát mang đến cảm giác lái thoải mái và độ tin cậy tối đa khi vào cua.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

KÍCH THƯỚC

Dài x Rộng x Cao	1.980 mm x 700 mm x 1.150 mm
Khoảng cách trục bánh xe	1.350 mm
Độ cao gầm xe	145 mm
Độ cao yên xe	790 mm
Trọng lượng ướt	125 kg
Dung tích bình xăng	5,5 L

ĐỘNG CƠ

Loại động cơ	Blue Core, 4 thì, 4 van, SOHC, làm mát bằng dung dịch
Dung tích xy-lanh	155,1 cc
Bố trí xy-lanh	Xy-lanh đơn
Đường kính x Hành trình piston	58 x 58,7 mm
Tỷ số nén	11,6:1
Công suất tối đa	11,3 kW (15,4 PS)/8.000 vòng/phút
Mô men xoắn cực đại	13,9 N.m (1,4 kgf.m)/6.500 vòng/phút
Hệ thống khởi động	Điện
Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng điện tử
Kiểu hệ thống truyền lực	Dây đai V tự động
Tỷ số truyền động	2,300 - 0,724:1

KHUNG SƯỜN

Loại khung	Backbone
Giảm xóc trước	Phuộc ống lồng
Giảm xóc sau	Phuộc nhún lò xo / Giảm chấn dầu
Phanh trước	Đĩa, đường kính 230 mm
Phanh sau	Đùm, đường kính 130 mm
Kích thước lốp trước	110/80-14M/C 53P (Lốp không săm)
Kích thước lốp sau	140/70-14M/C 62P (Lốp không săm)

HỆ THỐNG ĐIỆN

Điện áp hệ thống	12V
Đèn trước / Đèn xi-nhan (trước/sau)	LED / 12V, 10Wx2



BÌNH XĂNG LỚN HƠN

Dung tích 5,5 lít, tăng 0,9 lít so với phiên bản trước cho phạm vi di chuyển đến 200Km/1 lần đổ đầy. Nắp bình bố trí phía ngoài giúp đổ xăng thuận tiện.



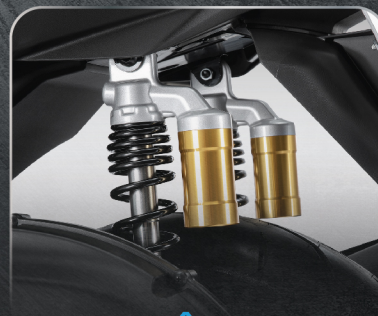
MẶT ĐỒNG HỒ LCD

Mặt đồng hồ trực quan, hiển thị nhiều chức năng thực dụng, đặc biệt bổ sung phần hiển thị thông tin kết nối Y-connect và thông số vòng tua



CỔNG SẠC ĐIỆN THOẠI

Tích hợp bên trong hộc chứa đồ thuận tiện cho người sử dụng.



PHUỘC SAU GIẢM CHẤN DẦU

Phuộc nhún lò xo được trang bị bình dầu thủy lực giúp xe ổn định ở mọi vận tốc di chuyển.



HỘC CHỨA ĐỒ RỘNG

Cốp xe dưới yên có sức chứa lên đến 25L



MÀN HÌNH ĐIỆN TỬ LCD



ĐÈN TRƯỚC



NÚT BẬT TẮT ĐỘNG CƠ



NÚT ĐÈN PHA XIN VƯỢT



150
EXCITER

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

KÍCH THƯỚC

Dài x Rộng x Cao	1.985 mm x 670 mm x 1.100 mm
Khoảng cách trục bánh xe	1.290 mm
Độ cao gầm xe	155 mm
Độ cao yên xe	795 mm
Trọng lượng ướt	117 kg
Dung tích bình xăng	4,2 lít

ĐỘNG CƠ

Loại động cơ	4 thì, 4 van, SOHC, làm mát bằng dung dịch
Dung tích xy-lanh	149,7 cc
Bố trí xy-lanh	Xy-lanh đơn
Đường kính và hành trình piston	57,0 x 58,7 mm
Tỷ số nén	10,4 : 1
Công suất tối đa	11,3 kW (15,4 PS)/8.500 vòng/phút
Mô-men xoắn cực đại	13,8 N·m (1,4 kgf-m)/7.000 vòng/phút
Hệ thống khởi động	Điện
Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng (1 vòi phun)
Kiểu hệ thống truyền lực	5 số
Tỷ số truyền động	1: 2,283 / 2: 1,875 / 3: 1,429 / 4: 1,143 / 5: 0,957

KHUNG SƯỜN

Loại khung	Ống thép - cấu trúc kim cương
Kích thước lốp trước	90/80-17M/C 46P (không sẫm)
Kích thước lốp sau	120/70-17M/C 58P (không sẫm)
Phanh trước	Đĩa thủy lực (đường kính 245,0 mm)
Phanh sau	Đĩa thủy lực (đường kính 203,0 mm)
Giảm xóc trước	Ống lồng
Giảm xóc sau	Tay đòn

HỆ THỐNG ĐIỆN

Đèn xi nhan trước / sau	LED, 12V 10Wx2 / LED, 12V 10Wx2
Điện áp, công suất bình ắc-quy	GTZ4V



Hotline: 18001588

<https://yamaha-motor.com.vn>



YAMAHA

Tiêu chuẩn EU3 Thân thiện môi trường
Chúng nhận khi đạt tiêu chuẩn châu Âu - EU3
với công nghệ tiên tiến S CATALYZER.



BẢO TRÌ
Dịch vụ bảo trì miễn phí
9 lần trong 3 năm



AN TOÀN
Vệ an toàn của bạn
hãy đội mũ bảo hiểm



YAMAHA
Dầu nhớt
chính hãng YAMAHA



CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH
3 năm hoặc 30.000km
tùy theo điều kiện nào đến trước (*)
(*) Theo điều kiện của nhà sản xuất
tham khảo chi tiết trong sổ bảo hành

* CHÍNH SÁCH BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ MIỄN PHÍ

Tất cả các loại xe gắn máy Yamaha mới được mua từ các Đại lý do Yamaha ủy nhiệm đều được hưởng dịch vụ bảo dưỡng định kỳ (theo danh mục công việc quy định) mà không phải trả tiền công trong vòng 3 năm, tổng cộng là 9 lần bảo dưỡng miễn phí, mỗi năm 3 lần như trong sổ bảo hành.

Để được hưởng quyền lợi bảo hành tối đa, bạn phải sử dụng đúng & đủ 9 phiếu trong vòng 3 năm. Nếu bạn để đại lý nơi bạn mua xe giữ số bảo hành và những phiếu bảo dưỡng, bạn sẽ mất mọi quyền lợi về dịch vụ.

Vì quyền lợi của mình, giữ gìn số bảo hành cẩn thận!